

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/DS-PT

Ngày: 22-6-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản và vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 404/2023/QĐ-PT ngày 05/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1960; cư trú tại số 49, Thôn B, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng anh Lầy Q, sinh năm: 1985, chị Phạm Thị K, sinh năm: 1988; cư trú tại số 199, khu tập thể trường D, Thôn B, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Người kháng cáo: Vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T:

Từ trước năm 2018, vợ chồng anh Lầy Q và chị Phạm Thị K đã nhiều lần mua phân bón, bán cà phê cho ông theo hình thức nhận tiền trước, giao cà phê sau. Số lần mua bán và nhiều lần trả tiền do thời gian quá lâu nên không nhớ. Tuy

nhiên từ ngày 30/3/2018 thì có chốt lại số tiền nợ do mua bán và vay từ trước tháng 3/2018 là 118.240.000đ; đến ngày 27/7/2018 tiếp tục vay 3.000.000đ và trong ngày này có mua 15.720.000đ tiền phân bón, loại phân, số lượng thế nào thì không nhớ; ngày 30/7/2018 mua thuốc bảo vệ thực vật 168.000đ; ngày 21/9/2018 mua phân bón 2.360.000đ không nhớ loại phân, số lượng bao nhiêu. Sau khi chốt số nợ thì vợ chồng ông Lầy Q có hẹn cuối năm 2018 khi thu hoạch cà phê sẽ thanh toán.

Nay ông yêu cầu trả số nợ gốc 118.240.000đ đã chốt nợ ngày 30/3/2018 và tiền lãi của số nợ gốc này từ ngày 30/3/2018 đến ngày 17/10/2022 (54,6 tháng) theo mức lãi 1,67%/tháng là 107.813.000đ; nợ gốc 21.507.000đ vay ngày 20/12/2018 và tiền lãi của số tiền gốc này từ ngày 20/12/2018 đến ngày 17/10/2022 (45,9 tháng) theo mức lãi 1,67%/tháng là 16.485.000đ. Tổng chung số tiền ông T yêu cầu 264.045.000đ. Tài liệu chứng cứ là giấy nhận nợ.

Theo lời trình bày của bị đơn vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K:

Từ đầu năm 2018, vợ chồng tôi có rất nhiều mua phân bón, vay tiền và bán cà phê theo hình thức nhận tiền trước, giao cà phê sau cho ông T và cũng có nhiều lần trả tiền. Đến ngày 30/3/2018 hai bên chốt lại số nợ từ trước tháng 3/2018 với nhau còn lại 118.246.000đ; sau đó có tiếp tục mua bán cụ thể, ngày 27/7/2018 vay 3.000.000đ; ngày 30/7/2018 mua phân nợ 15.720.000đ; ngày 30/7/2018 mua thuốc bảo vệ thực vật 168.000đ; ngày 21/9/2018 mua phân 2.360.000đ như vậy tổng nợ đến ngày 21/9/2018 là 139.494.000đ. Trong tất cả các lần ghi nợ này ông Lầy Q có ký tên, bà Kiều thì lặn tay để xác nhận nợ. Vợ chồng ông Quay bà Kiều xác nhận chữ ký và dấu lặn tay trên tài liệu mà ông T nộp cho Tòa thì đúng là của ông bà.

Nay ông T yêu cầu vợ chồng ông bà trả 264.045.000đ thì vợ chồng không đồng ý. Chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền nợ gốc 139.494.000đ. Phương án trả là vợ chồng xin trả dần 01 năm trả 10.000.000đ cho đến khi hết nợ. Còn tiền lãi thì do hiện nay rất khó khăn nên xin không trả. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu thì không có.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện D. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

Vợ chồng bà Phạm Thị K và ông Lầy Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ gốc do mua bán phân bón và tiền vay mượn chưa thanh toán 139.494.000đ và số tiền lãi 134.864.000đ. Tổng chung số tiền gốc và lãi phải trả là 274.358.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 30/3/2023, bị đơn vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T đồng ý giảm 14.358.000 đồng tiền lãi và chỉ yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K thanh toán số tiền 260.000.000 đồng.

Bị đơn vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K đồng ý thanh toán số tiền 260.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 139.494.000 đồng, tiền lãi là 120.506.000 đồng) cho ông Nguyễn Xuân T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K. Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự; buộc vợ chồng anh Q, chị K có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền 260.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 139.494.000 đồng, tiền lãi là 120.506.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc ông Nguyễn Xuân T cho rằng giữa ông và vợ chồng anh Q, chị K có mối quan hệ làm ăn với nhau, theo đó vợ chồng anh Q, chị K đã nhiều lần vay tiền, mua phân bón, bán cà phê cho ông theo hình thức nhận tiền trước giao cà phê sau. Nay ông yêu cầu vợ chồng anh Q, chị K trả cho ông số tiền gốc và lãi theo giấy chót nợ ngày 30/3/2018 với số tiền 264.045.000 đồng. Bị đơn vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K chỉ đồng ý thanh toán cho ông T số tiền 139.494.000 đồng nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và vay tài sản*” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K thấy rằng:

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K thanh toán số tiền 260.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 139.494.000 đồng, tiền lãi là 120.506.000 đồng); bị đơn vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K đồng ý thanh toán số tiền 260.000.000 đồng cho ông Nguyễn Xuân T.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần công nhận.

Với phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 18/2023/DSST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện D.

Tuyên xử:

1- Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và vay tài sản*” với bị đơn vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K.

- Buộc vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 260.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 139.494.000 đồng, tiền lãi là 120.506.000 đồng).

2- Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc vợ chồng anh Lầy Q, chị Phạm Thị K phải chịu 13.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí Phúc thẩm:

Hoàn trả cho anh Lầy Q và chị Phạm Thị K mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013946 ngày 11/4/2023 và số 0014025 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

3- Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND H. Đ (01);
- Chi cục THADS H. Đ (01);
- Đường sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch – Nguyễn Văn Thanh

Nguyễn Thành Tâm